



Hiệu quả hơn 10-15%!

MASTER PL-C 2 chân

MASTER PL-C là đèn huỳnh quang compact công suất trung bình hiệu suất tốt, thường được dùng trong các thiết bị chiếu sáng downlight chung trong cửa hàng bán lẻ, khách sạn và văn phòng. Công nghệ bắc cầu do Philips sáng chế đảm bảo hiệu suất tối ưu trong chiếu sáng, mang lại ánh sáng dồi dào hơn và hiệu suất cao hơn công nghệ uốn cong ống huỳnh quang. Phiên bản đèn 2 chân được thiết kế để hoạt động kèm bộ điều khiển điện tử và được cung cấp kèm đế cắm/rút.

Lợi ích

- Hiệu suất chiếu sáng tối ưu cho mỗi lần nhấp sáng ngắn hoặc dài
- Lựa chọn màu sắc ánh sáng đa dạng
- Độ hoàn màu tốt (CRI >80)

Tính năng

- Đế 2 chân, lắp sẵn tắc te đặc biệt
- Công nghệ huỳnh quang ba phổ màu
- Ít suy giảm độ sáng suốt thời gian sử dụng

Ứng dụng

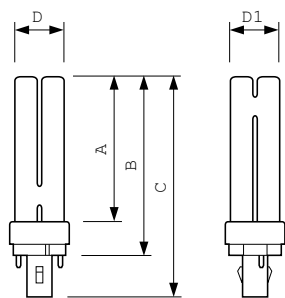
- Được thiết kế nhằm mục đích chiếu sáng chung hoặc chiếu sáng bổ sung trong môi trường chuyên nghiệp hoặc hộ gia đình
- Đèn downlight âm trần, hoặc lắp nổi trên bề mặt, đèn tường, đèn bàn và đèn treo

MASTER PL-C 2 chân

Phiên bản



Bản vẽ kích thước



Product	D (max)	D1 (max)	A (max)	B (max)	C (max)
MASTER PL-C 26W/830/2P 1CT/5X10BOX	27.1 mm	27.1 mm	130.5 mm	149.0 mm	171.4 mm
MASTER PL-C 26W/840/2P 1CT/5X10BOX	27.1 mm	27.1 mm	130.5 mm	149.0 mm	171.4 mm
MASTER PL-C 13W/840/2P 1CT/5X10BOX	27.1 mm	27.1 mm	97.5 mm	117.0 mm	139.4 mm

MASTER PL-C 2 chân

Phê duyệt và Ứng dụng	
Hàm lượng Thủy ngân (Hg) (Danh định)	1.4 mg
Điều khiển và thay đổi độ sáng	
Tính năng làm mờ	Không
Thông tin chung	
Thời hạn sử dụng đến 10% công năng (Danh định)	6500 h
Thời hạn sử dụng đến 50% công năng (Danh định)	10000 h
Định mức LSF 2000 giờ	99 %
Định mức LSF 4000 giờ	98 %
Định mức LSF 6000 giờ	92 %
Định mức LSF 8000 giờ	78 %
Thông số kĩ thuật ánh sáng	
Chỉ số Hoàn Màu (Danh định)	82
Định mức LLMF 2000 giờ	92 %
Định mức LLMF 4000 giờ	87 %
Định mức LLMF 6000 giờ	83 %
Định mức LLMF 8000 giờ	81 %
Nhiệt độ	
Nhiệt độ thiết kế (Danh định)	28 °C

Phê duyệt và Ứng dụng

Order Code	Full Product Name	Tiêu thụ năng lượng kWh/ 1000 h	Nhãn hiệu quả năng lượng (EEL)
927904884002	MASTER PL-C 13W/840/2P 1CT/5X10BOX	17 kWh	A
927906183001	MASTER PL-C 26W/830/2P 1CT/5X10BOX	32 kWh	B
927906184001	MASTER PL-C 26W/840/2P 1CT/5X10BOX	32 kWh	B

Thông số vận hành và điện

Order Code	Full Product Name	Cường độ dòng điện bóng đèn (Danh định)	Công suất (Định mức) (Danh định)
927904884002	MASTER PL-C 13W/840/2P 1CT/5X10BOX	0.170 A	13.4 W
927906183001	MASTER PL-C 26W/830/2P 1CT/5X10BOX	0.335 A	26.5 W

Order Code	Full Product Name	Cường độ dòng điện bóng đèn (Danh định)	Công suất (Định mức) (Danh định)
927906184001	MASTER PL-C 26W/840/2P 1CT/5X10BOX	0.335 A	26.5 W

Thông tin chung

Order Code	Full Product Name	Đầu đèn-Đế đèn
927904884002	MASTER PL-C 13W/840/2P 1CT/5X10BOX	G24D-1
927906183001	MASTER PL-C 26W/830/2P 1CT/5X10BOX	G24D-3

Order Code	Full Product Name	Đầu đèn-Đế đèn
927906184001	MASTER PL-C 26W/840/2P 1CT/5X10BOX	G24D-3

Thông số kĩ thuật ánh sáng (1/2)

Order Code	Full Product Name	Mã màu	Chỉ định màu	Nhiệt độ	
				màu tương quan (Danh định)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)
927904884002	MASTER PL-C 13W/840/2P 1CT/5X10BOX	840	Trắng mát (CW)	4000 K	69 lm/W
927906183001	MASTER PL-C 26W/830/2P 1CT/5X10BOX	830	Trắng ấm (WW)	3000 K	68 lm/W

Order Code	Full Product Name	Mã màu	Chỉ định màu	Nhiệt độ	
				màu tương quan (Danh định)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)
927906184001	MASTER PL-C 26W/840/2P 1CT/5X10BOX	840	Trắng mát (CW)	4000 K	68 lm/W

MASTER PL-C 2 chân

Thông số kĩ thuật ánh sáng (2/2)

Order Code	Full Product Name	Quang thông (Đanh định)	Quang thông (Định mức) (Đanh định)
927904884002	MASTER PL-C 13W/840/2P 1CT/ 5X10BOX	925 lm	925 lm
927906183001	MASTER PL-C 26W/830/2P 1CT/ 5X10BOX	1800 lm	1800 lm

Order Code	Full Product Name	Quang thông (Đanh định)	Quang thông (Định mức) (Đanh định)
927906184001	MASTER PL-C 26W/840/2P 1CT/ 5X10BOX	1800 lm	1800 lm

